

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2020

“V/v ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hà Minh Hằng.

2- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Thị Kim L, sinh ngày 01/01/1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Thị Kim L: Luật sư Dương Thùy L, thực hiện Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Danh D, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Kim L trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị L và anh Danh D kết hôn với nhau vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương nhưng có đăng ký kết hôn ngày 18/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không quan tâm lo lắng cho vợ con mà thường xuyên tập tụ bạn bè uống rượu say rồi về kiếm chuyện

đánh đập chị, thậm chí có lần còn dùng hung khí gây thương tích cho chị, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau đến nay gần 7 năm. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Danh D.

Về con chung: Có 03 người con tên Thị Ngọc N, sinh ngày 20/11/2002, Danh Đ, sinh ngày 16/4/2005 và Thị Bé H, sinh ngày 25/9/2009, từ khi ly thân cho đến nay chị L chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, cuộc sống của các cháu vẫn ổn định và bản thân chị cũng có đủ điều kiện nuôi con nên chị yêu cầu xin được nuôi 03 đứa con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Danh D Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị L.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Thị Kim L vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Danh D vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích cho nguyên đơn chị Thị Kim L trình bày quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Thị Kim L là xử cho chị Thị Kim L và anh Danh D được ly hôn, giao các cháu Thị Ngọc N, Danh Đ và Thị Bé H cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ghi nhận yêu cầu của chị Thị Kim L, xử cho chị Thị Kim L và anh Danh D được ly hôn.

Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Thị Kim L giao cháu Thị Ngọc N, Danh Đ và Thị Bé H (theo nguyện vọng của 3 cháu) cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và phần nợ chung: Chị Thị Kim L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Danh D được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Danh D.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang có cử ông Trần Tuấn Anh là Trợ giúp viên pháp lý để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh Danh D. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì Trung tâm Trợ giúp pháp lý ban hành Thông báo số 68/TTTGPL ngày 15 tháng 7 năm 2020 từ chối thực hiện trợ giúp pháp lý cho anh Danh D lý do là không liên lạc được với anh Danh D, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Thị Kim L và anh Danh D kết hôn với nhau vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn ngày 18/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo Trích lục kết hôn số 504/TLKH-BS ngày 31/7/2019 nên hôn nhân của chị L và anh D là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, chị L cho rằng anh D không quan tâm đến vợ con mà còn thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện đánh đập chị, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau gần 7 năm. Trong thời gian ly thân cho đến nay anh D cũng không về thăm vợ con.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Thị Kim L xử cho chị Thị Kim L và anh Danh D ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị Thị Kim L và anh Danh D có 03 người con tên Thị Ngọc N, sinh ngày 20/11/2002, Danh Đ, sinh ngày 16/4/2005 và Thị Bé H, sinh ngày 25/9/2009, chị L yêu cầu xin được nuôi 03 đứa con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, yêu cầu của chị L là có cơ sở. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay chị L chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, cuộc sống của các cháu vẫn ổn định và bản thân chị có đủ điều kiện để nuôi con, hơn nữa cũng là theo nguyện vọng của 03 cháu. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Thị Ngọc N, Danh Đ và Thị Bé H cho chị L

chăm sóc, nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản và nợ chung: Chị L thừa nhận không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Thị Kim L phải chịu 300.000đ. Nhưng chị L có đơn xin miễn tiền án phí thuộc diện người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận miễn toàn bộ tiền án phí cho chị Thị Kim L.

Chị L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ, theo lai thu số 0008530 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Xét quan điểm của Luật sư và đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm đ khoản 12 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Thị Kim L và anh Danh D được ly hôn.
2. Về con chung: Ghi nhận yêu cầu của chị Thị Kim L là giao cháu Thị Ngọc N, sinh ngày 20/11/2002, Danh Đ, sinh ngày 16/4/2005 và Thị Bé H, sinh ngày 25/9/2009 (theo nguyện vọng của cháu N, cháu Đ và cháu H). Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị L và anh D có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị L thừa nhận không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Thị Kim L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng chị L có đơn xin miễn tiền án phí thuộc diện người dân tộc thiểu số ở

xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ tiền án phí cho chị Thị Kim L.

Chị L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0008530 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị L có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/8/2020). Đối với anh D vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Nam Thái, Nam Yên;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
T HẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm